|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**TRƯỜNG THPT THƯỢNG CÁT** |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 - SINH HỌC 10**

 **(TỪ 5/4/2020 ĐẾN 11/4/2020)**

**HỌC TRÊN TRUYỀN HÌNH NGÀY 4.4.2020**

Câu 1: Trong 1 quần thể vi sinh vật, ban đầu có 104 tế bào. Thời gian 1 thế hệ là 20phút, số tế bào trong quần thể sau 2h là

 A: 104.23.B. 104.24.

 C. 104.25 D. 104.26

Câu 2: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, tốc độ sinh trưởng của vi sinh vật đạt cực đại ở pha

 A. tiềm phát. B. cấp số.

 C. cân bằng động. D. suy vong.

Câu 3: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, số lượng vi sinh vật đạt cực đại và không đổi theo thời gian ở pha

 A.lag. B.log.

 C. cân bằng động. D. suy vong.

Câu 4: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, để thu sinh khối vi sinh vật tối đa nên dừng ở đầu pha

 A. lag. B. log. C. cân bằng động. D. suy vong.

Câu 5: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzim cảm ứng được hình thành ở pha

 A. lag. B. log. C. cân bằng động. D. suy vong

Câu 6: Loại bào tử sau là loại bào tử sinh sản của vi khuẩn

 A. bào tử nấm. B. bào tử vô tính.

 C. bào tử hữu hình. D. ngoại bào tử.

Câu 7: Loại bào tử không phải bào tử sinh sản của vi khuẩn là

 A. nội bào tử. B. ngoại bào tử.

 C. bào tử đốt. D. cả A, B, C.

Câu 8: Các hình thức sinh sản chủ yếu của tế bào nhân sơ là

 A. phân đôi bằng nội bào tử, bằng ngoại bào tử.

 B. phân đôi bằng ngoại bào tử, bào tử đốt, nảy chồi.

 C. phân đôi nảy chồi, bằng bào tử vô tính, bào tử hữu tính.

 D. phân đôi bằng nội bào tử, nảy chồi.

Câu 9: Các hình thức sinh sản chủ yếu của vi sinh vật nhân thực là

 A. phân đôi, nội bào tử, ngoại bào tử.

 B. phân đôi nảy chồi, ngoại bào tử, bào tử vô tính, bào tử hữu tính.

 C. phân đôi nảy chồi, bằng bào tử vô tính, bào tử hữu tính.

 D. nội bào tử, ngoại bào tử, bào tử vô tính, bào tử hữu tính.

Câu 100: Trong quá trình phân bào của vi khuẩn, sau khi tế bào tăng kích thước, khối lượng, màng sinh chất gấp nếp tạo thành hạt

 A. ribôxom. B. lizôxôm.

 C. glioxixôm. D. mêzôxôm.

Câu 11: Xạ khuẩn sinh sản bằng

 A. nội bào tử. B. ngoại bào tử

 C. bào tử đốt. D. bào tử vô tính

Câu 12: Đặc điểm của các bào tử sinh sản của vi khuẩn là

 A. không có vỏ, màng, hợp chất canxi dipicolinat.

 B. có vỏ, màng, hợp chất canxi dipicolinat.

 C. có màng,không có vỏ, có canxi dipicolinat.

 D. có màng,không có vỏ và canxi dipicolinat.

Câu 13: Các loại bào tử sinh sản của vi khuẩn bao gồm

 A. nội bào tử, bào tử đốt. B. nội bào tử, ngoại bào tử.

 C. bào tử đốt, ngoại bào tử. D. nội, ngoại bào tử, bào tử đốt.

Câu 14: Nội bào tử bền với nhiệt vì có

 A. vỏ và hợp chất axit dipicolinic. B. 2 lớp màng dày và axit dipicolinic.

 C. 2 lớp màng dày và canxi dipicolinic D. vỏ và canxi dipicolinat..

Câu 15: Bào tử nấm cấu tạo chủ yếu bởi

 A. vỏ và canxi dipicolinat. B. vỏ và axit dipicolinic.

 C. 2 lớp màng dày và canxi dipicolinic. D. hemixenluzơ và kitin.

Câu 16: Hợp chất canxi dipicolinat tìm thấy ở

 A. bào tử nấm. B. ngoại bào tử vi khuẩn.

 C. nội bào tử vi khuẩn. D. bào tử đốt xạ khuẩn.

Câu 17: Hợp chất hemixenlulozơ tìm thấy ở

 A. nội bào tử vi khuẩn. B. ngoại bào tử vi khuẩn.

 C. bào tử nấm. D. bào tử đốt xạ khuẩn.

Câu 18: Nấm men rượu sinh sản bằng

 A. bào tử trần. B. bào tử hữu tính.

 C. bào tử vô tính. D. nẩy chồi.

Câu 19: Hình thức sinh sản hữu tính có ở nhóm vi sinh vật

 A. vi khuẩn, nấm xạ khuẩn. B. vi khuẩn, nấm, tảo.

 C. nấm, tảo, động vật nguyên sinh. D. vi khuẩn, nấm, tảo, động vật nguyên sinh

Câu 20: Nhân tố sinh trưởng là tất cả các chất

 A. cần cho sự sinh trưởng của sinh vật

 B. không cần cho sự sinh trưởng của sinh vật

 C. cần cho sự sinh trưởng của sinh vật mà chúng tự tổng hợp được

 D. cần cho sự sinh trưởng của sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được

Câu 21: Vi sinh vật khuyết dưỡng là vi sinh vật không tự tổng hợp được

 A. tất cả các chất chuyển hoá sơ cấp.

 B. tất cả các chất chuyển hoá thứ cấp.

 C. tất cả các chất cần thiết cho sự sinh trưởng.

 D. một vài chất cần thiết cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.

Câu 22: Trong quá trình sinh trưởng của vi sinh vật, các nguyên tố cơ bản: C, H, 0, N, S, P có vai trò

 A. là nhân tố sinh trưởng. B. kiến tạo nên thành phần tế bào.

 C. cân bằng hoá thẩm thấu. D. hoạt hoá enzim.

Câu 23: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

 A. chuyển hoá sơ cấp. B. chuyển hoá thứ cấp.

 C. cần thiết cho sự sinh trưởng. D. chuyển hoá sơ cấp và thứ cấp.

Câu 24: Cơ chế tác động của các hợp chất phenol là

 A. ôxi hoá các thành phần tế bào. B. bất hoạt protein.

 C. diệt khuẩn có tính chọn lọc. D. biến tính các protein.

Câu 25: Cơ chế tác động của các loại cồn là

 A. làm biến tính các loại màng.

 B. ôxi hoá các thành phần tế bào.

 C. thay đổi sự cho đi qua của lipit màng.

 D. diệt khuẩn có tính chọn lọc.

Câu 26: Clo được sử dụng để kiểm soát sinh trưởng của vi sinh vật trong lĩnh vực

 A. khử trùng các dụng cụ nhựa, kim loại. B. tẩy trùng trong bệnh viện

 C. khử trùng phòng thí nghiệm. D. thanh trùng nước máy

Câu 27: Để diệt các bào tử đang nảy mầm có thể sử dụng

 A. các loại cồn. B. các andehit.

 C. các hợp chất kim loại nặng. D. các loại khí ôxit.

Câu 28: Cơ chế tác động của chất kháng sinh là

 A. diệt khuẩn có tính chọn lọc. B. ôxi hoá các thành phần tế bào.

 C. gây biến tính các protein. D. bất hoạt các protein.

Câu 29: Các hợp chất sau không được dùng diệt khuẩn trong bệnh viện

 A: kháng sinh. B. cồn.

 C. iốt. D. các hợp chất kim loại nặng.

Câu 30: Sử dụng chất hoá học ức chế sinh trưởng của vi sinh vật nhằm mục đích

 A. sản xuất chất chuyển hoá sơ cấp. B. sản xuất chất chuyển hoá thứ cấp

 C. kích thích sinh trưởng của vi sinh vật. D. kiểm soát sinh trưởng của vi sinh vật

----------------------------------------------------//--------------------------------------------------